TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/HS-ST
Ngày: 14 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vạn Kha

Ông Dương Thanh Tuấn

Bà Lê Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Thoản – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Thân Thị Hồng Nở, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2023/TLST - HS, ngày 17 tháng 05 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Lâm Thị Hoài T, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1992, tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968; chồng tên Lê Văn Đ, sinh năm 1983 và 01 con; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/7/2022 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Lâm Thị Hoài T: Luật sư Trương Hoàng P1 – Văn phòng Luật sư Trương Hoàng P1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T bào chữa theo chỉ định. (có mặt)

- *Bị hại:*

1/ Bà Dương Thị P2, sinh năm 1961. Nơi cư trú: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2/ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2/ Bà Lương Thị D1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1954. Nơi cư trú: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 3 năm 2022, bị cáo Lâm Thị Hoài T xem Tiktok trên mạng xã hội bằng điện thoại di động của bị cáo và thấy có trang quảng cáo làm việc online kiếm thêm thu nhập không cần đầu tư vốn nên bị cáo T để lại số điện thoại Zalo của bị cáo để đăng ký tham gia. Khoảng 02 ngày sau thì tên zalo "Lan P3" nhắn tin qua zalo với bị cáo T hướng dẫn tải ứng dụng D3 để tham gia like Tiktok, "Lan P3" nhắn tin cho bị cáo T 1 lệnh like để làm thử, sau khi bị cáo T like thành công thì bên app D3 nhắn tin cho bị cáo T là bên tài vụ xin số tài khoản của T để app D3 chuyển tiền hoa hồng like Tiktok 10.000 đồng cho T. Ngày 02/3/2022 app D4 có chuyển 10.000 đồng vào số tài khoản 7410205157570 của bị cáo T mở tại Ngân hàng N chi nhánh tỉnh T. Tiếp theo "Lan P3" nhắn tin kêu bị cáo T vào app D3 để nhắn tin với nhân viên hướng dẫn. Bị cáo T vào app D thì có một người giới thiệu tên Lê Văn T1 là nhân viên làm ở Công ty T6, địa chỉ lầu 9, cao ốc D, số C, L, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. T1 hướng dẫn cho bị cáo T like trên Tiktok, bị cáo T bấm 5 lượt like, sau mỗi lượt like được hưởng tiền hoa hồng là 10.000 đồng, đồng thời sau mỗi lượt like bị cáo T chụp ảnh màn hình gửi qua app Dingtalk và ngày 02/3/2022 app D4 chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo T 3 lần tổng số tiền là 150.000 đồng (mỗi lần chuyển 50.000 đồng, đây là tiền hoa hồng like Tiktok). Khi bị cáo T làm xong nhiệm vụ like trên T2 thì T1 cho số tài khoản 12410004003067 mở tại Ngân hàng B chi nhánh H3, Thành phố Hà Nội và kêu bị cáo Thu nạp vào tài khoản trên 20.000 đồng để làm quỹ từ thiện "Làng trẻ em Việt Nam SOS". Khoảng 5 phút sau, T1 chuyển vào tài khoản của bị cáo T số tiền 60.000 đồng và giải thích số tiền 20.000 đồng là tiền mà trước đó bị cáo T chuyển làm quỹ từ thiện "Làng trẻ em Việt Nam SOS", còn số tiền 40.000 đồng là tiền hoa hồng. Sau đó, T1 hướng dẫn bị cáo T tải ứng dụng New World để làm nhiệm vụ đặt cược. Khi tải thành công thì T1 đưa bị cáo T vào nhóm chọn hạn mức nạp tiền 55.000 đồng để làm lệnh đặt cược. T1 cho số tài khoản 64280020020 chủ tài khoản Nguyễn Kim K mở tại Ngân hàng TMCP S1 (S2) để bị cáo T chuyển 55.000 đồng vào tài khoản của bà K. Khi chuyển tiền xong, bị cáo T chụp màng hình gửi qua app cho T1, sau đó T1 gửi cho bị cáo T bản cam kết của Công ty T6, địa chỉ lầu 9, Cao ốc Diamond PlaZa, số C, L, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nội dung đảm bảo không mất tiền vốn. Tiếp theo, T1 kêu bị cáo T chụp bản cam kết gửi cho chuyên gia và bị cáo T chọn hạn mức 120.000 đồng để nạp tiền đặt cược. T1 cho bị cáo T số tài khoản 3216000010969000, chủ tài khoản Nguyễn Triệu P4, mở tại Ngân hàng TMCP V1, chi nhánh phòng G1, Thành phố Hồ Chí Minh và bị cáo T nạp 120.000 đồng vào số tài khoản này để đặt cược. Hình thức cược: bị cáo T làm theo hướng dẫn của người hướng dẫn nhắn trên app cách thức cược chọn vào ô theo dấu mũi tên như: xổ số miền nam, xổ số miền bắc, tiếp đó chọn hạn mức nạp tiền đặt cược

chuyển vào tài khoản và app hiển thị chẵn, lẻ và 6 dãy số, bị cáo T chọn vào lệnh cược như "cược tài lẻ trị giá 3 vàng", sau đó T nhận được thông báo hoàn thành nhiệm vụ nghĩa là thắng cược; Các lần nhận thông báo là cược sai kỳ, báo bấm thiếu số là chưa hoàn thành nhiệm vụ nghĩa là thua cược. Sau đó, T1 chuyển vào tài khoản cho bị cáo T số tiền 233.000 đồng là tiền gốc và tiền hoa hồng. Khoảng 20 giờ ngày 02/3/2022, T1 chuyển vào tài khoản của bị cáo T số tiền 300.000 đồng và nói số tiền này là lương cơ bản trong ngày mà bị cáo T được hưởng.

Như vậy trong ngày 02/3/2022 bị cáo T nạp vào app D3 và app N1 thông qua các tài khoản trên tổng số tiền là 195.000 đồng. Bị cáo T nhận lại được số tiền 753.000 đồng, bị cáo T được hưởng tiền chênh lệch là 558.000 đồng.

Do thấy có tiền lời nên ngày 03/3/2022 bị cáo hỏi mượn tiền như sau:

1. Mượn của bà Nguyễn Thu H1, sinh 1987, cư trú ấp A, xã L, thị xã D số tiền 3.000.000đ, hiện nay bị cáo T đã trả hết số tiền này cho bà H1.

2. Mượn của bà Nguyễn Thị Đ1, sinh 1958, cư trú ấp A, xã L, thị xã D số tiền 12.000.000đ, hiện nay bị cáo T chưa trả số tiền này cho bà Đ1.

3. Mượn của bà Huỳnh Thị Hồng G, sinh 1979, cư trú khóm A, phường B, thị xã D số tiền 36.000.000đ, sau đó bị cáo T trả cho bà G số tiền 6.000.000đ, hiện nay bị cáo T còn nợ bà G số tiền 30.000.000đ.

4. Mượn của bà Lương Thị D1, sinh 1989, cư trú ấp B, xã L, thị xã D số tiền 50.000.000đ, hiện nay bị cáo T đã trả hết số tiền này cho bà D1.

Trong ngày 03/3/2022 bị cáo T tiếp tục chuyển tiền vào app D3 và app N1 thông qua các số tài khoản 3216000010969000, 1025273230 và 1025293954 tổng số tiền là 101.500.000 đồng để tham gia đặt cược. Trong đó số tiền 500.000đ là tiền cá nhân của bị cáo T, số tiền 101.000.000 đồng là tiền bị cáo T mượn của 4 người nêu trên.

Tuy nhiên, mỗi lần chuyển tiền các nhân viên trên app đưa ra nhiều lý do nên bị cáo T bị mất số tiền đã chuyển, lúc này bị cáo T đã bị mất cân đối về tài chính. Để có tiền đặt cược, trả nợ và sử dụng vào mục đích cá nhân, bị cáo T nghĩ ra cách là nói dối hỏi vay tiền để đáo nợ Ngân hàng. Cụ thể, bị cáo T nói dối với bà Dương Thị P2, sinh năm 1961, cư trú ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh đang cần tiền để đáo nợ Ngân hàng và nói bà P2 cho bị cáo vay tiền hứa 03 ngày sau trả lại. Bà P2 tin tưởng thông tin bị cáo T đưa ra là thật nên từ ngày 04/3/2022 đến ngày 07/3/2022 bà P2 đồng ý cho bị cáo T vay tiền 3 lần tổng số tiền **372.000.000 đồng**, từng lần vay tiền diễn ra cụ thể như sau.

+ Lần thứ nhất: Vào khoảng 11 giờ ngày 04/3/2022, bị cáo T đến nhà bà P2 hỏi vay số tiền 152.000.000 đồng, bị cáo T có thế chấp 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1954, cư trú ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh là mẹ chồng của bị cáo T đứng tên chủ sở hữu và 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn S, sinh năm 1954, cư trú ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh là cha chồng của bị cáo T đứng tên chủ sở hữu). Do bà D2 nhờ bị cáo T chở bà D2 đi làm thủ tục sang tên nên để 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này ở nhà bị cáo T. Sau đó bị cáo T tự lấy 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho bà P2. Khi nhận số tiền 152.000.000 đồng, ngày 04/3/2022 bị cáo T chuyển số tiền 151.000.000đ vào tài khoản 1025293954 mở tại Ngân hàng TMCP N2, chi nhánh H4, Hà Nội chủ

tài khoản là Hoàng Văn M, sinh 17/4/2002, cư trú Công ty Đ2, V, T, Hà Nội để tham gia đặt cược.

+ Lần thứ hai: Vào khoảng 07 giờ ngày 05/3/2022, bị cáo T đến nhà bà P2 hỏi vay thêm số tiền 200.000.000 đồng nói để đáo nợ Ngân hàng. Do bà P2 không tin bị cáo T vay tiền để đáo nợ Ngân hàng nên bà P2 nói "Mày có số điện thoại của nhân viên Ngân hàng làm hồ sơ đáo nợ cho mày không cho tao để tao điện thoại xem có đúng như lời mày nói không". Lúc này, bị cáo T lấy số điện thoại 0962 338 985 (sim rác không có đăng ký) của bị cáo cho bà P2 và nói dối với bà P2 đây là số điện thoại của nhân viên Ngân hàng K1 làm hồ sơ đáo nợ cho bị cáo T. Cho số điện thoại xong bị cáo T về nhà, khoảng 20 phút sau bà P2 điện thoại vào số 0962 338 985 mà bị cáo T cho trước đó, lúc này bị cáo T bắt máy bà P2 hỏi "Có phải chị T3 làm ở Ngân hàng K1 không", bị cáo T giả giọng nói phải. Bà P2 hỏi "Có phải Lâm Thị Hoài T làm hồ sơ đáo nợ ở Ngân hàng K1 không", bị cáo T trả lời phải. Khoảng 20 phút sau, bà P2 kêu bị cáo T đến nhà bà P2 lấy số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 200.000.000 đồng ngày 05/3/2022 bị cáo T chuyển số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản 1025273230, mở tại Ngân hàng TMCP N2 chi nhánh H5, chủ tài khoản là Lê Hải L, sinh 06/12/2000, cư trú tổ C, M, quận H, Hà Nội để tham gia đặt cược. Đồng thời ngày 05/3/2022 bị cáo T lấy số tiền còn lại 50.000.000 đồng để trả nợ cho bà Lương Thị D1, sinh năm 1989, cư trú ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

+ Lần thứ ba: Vào ngày 07/3/2022 bị cáo T hỏi vay thêm tiền của bà P2 số tiền 20.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng. Sau khi nhận số tiền này ngày 07/3/2022 bị cáo T chuyển số tiền 19.600.000 đồng vào tài khoản 67210001233427 mở tại Ngân hàng TMCP Đ3 chi nhánh N3, chủ tài khoản là Trần Duy T4, sinh 06/7/1988, cư trú số 224, KP2, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để vay tiền oline.

Ngoài ra, bị cáo Lâm Thị Hoài T còn đưa ra thông tin gian dối hỏi vay tiền của bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1968, cư trú ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh để đáo nợ cho hội P5 vay 3 lần với tổng số tiền là **290.000.000 đồng** cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ ngày 07/3/2022, bị cáo T hỏi vay của bà H số tiền 130.000.000 đồng. Khi hỏi vay tiền bị cáo T tự xưng với bà H bị cáo là tổ trưởng hội phụ nữ ấp A, xã L, thị xã D, đang cần vay tiền để đáo nợ cho hội phụ nữ và hứa qua ngày hôm sau trả lại. Tưởng thông tin bị cáo T đưa ra là thật nên bà H đồng ý cho bị cáo T vay số tiền 130.000.000 đồng.

+ Lần thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 07/3/2022, bị cáo T điện thoại cho bà H và nói còn thiếu số tiền 60.000.000 đồng để làm hồ sơ đáo nợ cho tổ viên, nên bị cáo T hỏi vay thêm số tiền 60.000.000 đồng và hứa ngày 08/3/2022 khi đáo hạn xong giải ngân sẽ trả tiền cho bà H, nên bà H đồng ý cho bị cáo T vay thêm số tiền 60.000.000 đồng.

+ Lần thứ ba: Khoảng 18 giờ ngày 07/3/2022, bị cáo T đến địa điểm cây xăng của bà H ở ấp A, xã L, thị xã D gặp bà H hỏi vay thêm số tiền 100.000.000 đồng để đáo nợ cho tổ viên và hứa ngày 08/3/2022 sẽ trả tiền cho bà H, nên bà H đồng ý cho bị cáo T vay thêm số tiền 100.000.000 đồng.

Như vậy, trong ngày 07/3/2022 bị cáo T dùng hết số tiền vay của bà H là 290.000.000đ để nạp tiền vào app vay tiền online. Do trước đó ngày 06/3/2022,

có một thanh niên nói giọng miền B điện thoại cho bị cáo T tư vấn vay tiền online. Qua tư vấn bị cáo T đồng ý vay số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo T gửi ảnh căn cước công dân và số tài khoản 7410205157570 của bị cáo T cho app vay tiền online. Sau đó họ yêu cầu bị cáo T nạp 10% của số tiền vay 200.000.000 đồng, mục đích chứng minh thu nhập để có khả năng trả nợ. Sau khi nhận tiền vay của bà H số tiền 290.000.000 đồng, bị cáo T nạp hết vào app vay tiền online và nạp thêm số tiền 19.600.000 đồng là tiền vay của bà P2 vào tài khoản 67210001233427 cụ thể từng lần như sau:

+ Lần 1: Bị cáo T chuyển số tiền 20.000.000 đồng để chứng minh thu nhập của bị cáo.

+ Lần 2: Sau khi chuyển xong số tiền trên nhân viên trên app thông báo bị cáo T ghi sai nội dung chuyển khoản và yêu cầu bị cáo T chuyển thêm số tiền 20.000.000 đồng.

+ Lần 3: Sau khi chuyển xong số tiền ở lần 2 họ cũng thông báo bị cáo T ghi sai nội dung chuyển khoản và yêu cầu bị cáo T chuyển tiếp số tiền 20.000.000 đồng.

+ Lần 4: Sau khi chuyển tiền ở lần 3 nhân viên trên app kêu bị cáo T vào app để rút tiền, khi rút tiền thì họ đưa ra lý do bị cáo T cung cấp sai số tài khoản. Lúc này có nhân viên nữ tên H2 điện thoại M1 và gửi cho bị cáo T biên bản xử lý sai thông tin nhận tiền. Nội dung thể hiện bị cáo T sai thông tin nhận tiền giải ngân gây lỗi khóa khoản vay trên hệ thống, họ yêu cầu bị cáo T chuyển thêm số tiền 66.000.000 đồng.

+ Lần 5: Sau khi chuyển tiền ở lần 4 họ tiếp tục thông báo bị cáo T ghi sai nội dung chuyển khoản và yêu cầu bị cáo T chuyển thêm số tiền 66.000.000 đồng để ghi lại nội dung theo hướng dẫn của họ "Nội dung CK: Họ tên + STK + MBHD901T2K".

+ Lần 6: Khi bị cáo T vào app rút tiền thì nhân viên tên H2 thông báo bị cáo T xâm nhập hệ thống trái phép và tên H2 gửi qua Messenger của bị cáo T biên bản xâm nhập hệ thống trái phép. Họ yêu cầu bị cáo T chuyển thêm số tiền 117.600.000 đồng nữa mới được rút số tiền vay 200.000.000 đồng và rút số tiền đã chuyển ở các lần trước đó.

Quá trình điều tra, bị cáo Lâm Thị Hoài T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Tổng số tiền bị cáo vay được của bà Dương Thị P2 và bà Huỳnh Thị H là **662.000.000 đồng** tất cả đều có viết biên nhận. Sau khi có số tiền này bị cáo T chiếm đoạt sử dụng số tiền 51.400.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân, sử dụng số tiền 301.000.000 đồng để chuyển vào tài khoản 1025293954 và tài khoản 1025273230 để tham gia đặt cược, sử dụng số tiền 309.000.600 đồng chuyển vào tài khoản 67210001233427 để vay tiền online và không còn khả năng chi trả.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành yêu cầu Ngân hàng A chi nhánh tỉnh T sao kê giao dịch số tài khoản 7410205157570 của bị cáo T, kết quả qua đối chiếu với sao kê tài khoản mà bị cáo T đã chuyển số tiền nêu trên đến các số tài khoản trên là phù hợp.

Về phần lãi suất bị cáo T khai cả 3 lần vay tiền bà Dương Thị P2 đều tính lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày, bị cáo T đã đóng lãi cho bà P2 số tiền 750.000

đồng và đối với bà Huỳnh Thị H cả 3 lần vay tiền bà H đều tính lãi suất là 4.000 đồng/triệu/ngày. Tuy nhiên bà P2 cho rằng cả 3 lần vay tiền bà P2 chỉ tính lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày, bà P2 không có nhận số tiền lãi 750.000 đồng. Còn bà H khai thông thường bà H cho người khác vay lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày, bà H nghĩ bị cáo T biết mức lãi suất trên nên khi cho bị cáo T vay tiền bà H không có nói rõ lãi suất. Vấn đề này được Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa bị cáo T với bà Dương Thị P2 và bà Huỳnh Thị H. Kết quả đối chất, bị cáo T với bà P2 và bà H vẫn giữ nguyên lời trình bày của mình. Quá trình điều tra xác định việc thỏa thuận lãi suất và đóng lãi không có giấy tờ gì thể hiện, không có người chứng kiến, từ đó chưa đủ cơ sở xác định phần lãi suất theo nội dung bị cáo T đã trình bày.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-P1 ngày 15/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Lâm Thị Hoài T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lâm Thị Hoài T khai nhận toàn bộ hành vi khách quan của bị cáo, thừa nhận Bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng với hành vi của bị cáo đã thực hiện đối với bị hại. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ (là chồng của bị cáo) tự nguyện giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 23/02/2022 cho ông Lê Văn Đ và bà Lâm Thị Hoài T, thửa đất số 360, tờ bản đồ số 8, diện tích 1293,0m^2, loại đất LUK, địa chỉ ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phần giá trị tài sản của bị cáo trong tài sản chung theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo phải trả số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa, thể hiện bị cáo Lâm Thị Hoài T đã có hành vi đưa ra thông tin là bị cáo cần vay tiền để đáo nợ ngân hàng, đáo nợ cho hội phụ nữ nhưng thực tế là nhằm mục đích chiếm đoạt tiền để chuyển vào tài khoản ngân hàng tham gia đặt cược và vay tiền online nhưng bị mất tiền và không có khả năng chi trả, cụ thể bị cáo đã hỏi vay tiền của bà Nguyễn Thị P số tiền là 372.000.000 đồng và bà Huỳnh Thị H số tiền là 290.000.000 đồng tổng cộng là 662.000.000 đồng, đã đủ căn cứ truy tố bị cáo Lâm Thị Hoài T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Lâm Thị Hoài T từ 12 năm đến 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 19/7/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Lâm Thị Hoài T có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị P số tiền là 372.000.000 đồng và bà Huỳnh Thị H số tiền là 290.000.000 đồng.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 23/02/2022 cho ông Lê Văn Đ và bà Lâm Thị Hoài T, thửa đất số 360, tờ bản đồ số 8, diện tích 1293,0m^2, loại đất LUK, địa chỉ ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh do bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả cho các bị hại đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành kê biên trên sự tự nguyện của bị cáo Lê Thị T5 và ông Lê Văn Đ sẽ tiếp tục kê biên và giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phần giá trị tài sản của bị cáo trong tài sản chung theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, V còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lâm Thị Hoài T cho rằng: Vị hoàn toàn thống nhất với nội dung Bản Cáo trạng số 19/CT-VKS-P1 ngày 15/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Lâm Thị Hoài T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình của bị cáo có nhiều người thân tham gia cách mạng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có con còn nhỏ; quá trình điều tra bị cáo tự nguyện nộp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của bị cáo để khắc phục hậu quả cho các bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mong Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt 12 năm tù cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng như tạo điều kiện để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Thống nhất với quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Qua quan điểm của V đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo Lâm Thị Hoài T, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lâm Thị Hoài T: Bị cáo gửi lời xin lỗi đến các bị hại. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử

là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 19/CT-VKS-P1 ngày 15/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã mô tả. Bị cáo thừa nhận do bị cáo cần tiền để tham gia đặt cược và nạp vào app vay tiền online nên từ ngày 3/3/2022 đến ngày 7/3/2022 bị báo đã nhiều lần thực hiện hành vi gian dối là đưa ra thông tin cần tiền để đáo hạn ngân hàng và đáo nợ cho hội phụ nữ, bị cáo đã hỏi vay mượn bà Nguyễn Thị P 3 lần với số tiền là 372.000.000 đồng và bà Huỳnh Thị H 3 lần với số tiền 290.000.000 đồng. Nhưng trên thực tế sau khi vay được tiền thì bị cáo nạp vào tài khoản ngân hàng để tham gia đặt cược và vay tiền online, sau đó không nhận lại được các khoản tiền mà bị cáo đã nạp từ đó dẫn đến không còn khả năng chi trả cho các bị hại. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là nhất quán, không thay đổi, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an tỉnh T thu thập được. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Lâm Thị Hoài T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về tội danh và hình phạt.

[3] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật hình sự.

Với tuổi đời của bị cáo, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì lòng tham chỉ vì muốn có tiền để tham gia đặt cược và vay tiền online mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện trong một khoảng thời gian từ ngày 03/3/2022 đến ngày 07/3/2022. Hành vi phạm tội của bị cáo là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong những năm gần đây tại địa bàn tỉnh Trà Vinh liên tục tăng và hình thức, mức độ phạm tội ngày càng tinh vi, số tiền chiếm đoạt ngày càng nhiều, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, phát triển kinh tế tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh Trà Vinh. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: sau khi phạm tội bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; tại phiên tòa bị hại Dương Thị

P2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với người có tên Lê Văn T1 và Lan P3: Qua làm việc với đại diện của Công ty T6, địa chỉ lầu 9, cao ốc D, số C, L, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xác định Công ty không có người tên Lê Văn T1 và Lan P3. Mặt khác, qua điều tra bị cáo T khai chỉ sử dụng trên điện thoại di động khi thực hiện các giao dịch, hiện nay bị cáo T đã bán điện thoại cho người khác (không nhớ rõ là ai), không còn thông tin gì có liên quan, từ đó không có cơ sở để làm việc tiếp với các đối tượng này. Khi nào có đủ thông tin, làm việc được sẽ làm rõ xử lý sau.

Liên quan đến các tài khoản giao dịch trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Công an Thành phố H và Công an tỉnh Đ tiến hành điều tra, xác minh liên quan đến các đối tượng gồm:

1. Hoàng Văn M, sinh 17/4/2002, cư trú Công ty Đ2, V, T, Hà Nội là chủ tài khoản 1025293954 mở tại Ngân hàng TMCP N2, chi nhánh H4, Hà Nội.

2. Lê Hải L, sinh 06/12/2000, cư trú tổ C, M, quận H, Hà Nội là chủ tài khoản 1025273230, mở tại Ngân hàng TMCP N2 chi nhánh H5.

3. Nguyễn Triệu P4, sinh ngày 21/9/1990, cư trú số 453/60 L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là chủ tài khoản 3216000010969000, mở tại Ngân hàng TMCP V1, chi nhánh phòng G1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyễn Kim K, sinh ngày 23/12/1998 là chủ tài khoản 46280020020, mở tại Ngân hàng TMCP S1 (S2), cư trú số 4 L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trần Duy T4, sinh 06/7/1988, cư trú số 224, KP2, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là chủ tài khoản 67210001233427 mở tại Ngân hàng TMCP Đ3 chi nhánh N3.

Kết quả trả lời ủy thác điều tra xác định 04 đối tượng gồm: Hoàng Văn M, Lê Hải L, Nguyễn Triệu P4 và Nguyễn Kim K đều thừa nhận vào tháng 11/2021 và tháng 01/2022 có sử dụng thông tin cá nhân của mình để mở các số tài khoản (thẻ ATM) trên rồi bán lại cho người khác, được nhận tiền từ 300.000 đồng đến 1.200.000 đồng. Những người này hoàn toàn không biết nhân thân lai lịch của người mua số tài khoản ngân hàng là ai, không có quen biết quan hệ giao dịch với bị cáo T. Những người trên bán số tài khoản ngân hàng cho các đối tượng khác có dấu hiệu vi phạm hành chính được quy định tại Điểm C Khoản 5 Điều 28 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề nghị Cơ quan có thẩm quyền có hình thức xử lý. Riêng đối với Trần Duy T4, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ xác nhận đối tượng T4 có đăng ký thường trú tại số B, KP2, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hiện nay T4 không có mặt tại địa phương không rõ đi đâu làm gì. Đối với những người mua số tài khoản ngân hàng cũng như các đối tượng khác do bị cáo T khai, hiện nay không chứng minh được nhân thân lai lịch của các đối tượng này nên chưa đủ cơ sở để xác định có dấu hiệu tội phạm không. Do đó, khi nào có đủ thông tin, làm việc được Cơ quan điều tra sẽ làm rõ xử lý sau.

Đối với số tiền 101.000.000 đồng mà bị cáo T hỏi mượn của 4 người nêu trên, bị cáo T đã trả được 59.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại 42.000.000 đồng. Việc bị cáo T mượn tiền của 4 người này, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định không có dấu hiệu tội phạm, mà là giao dịch dân sự.

Đối với khoản tiền 50.000.000 đồng, bị cáo T khai trả cho bà Lương Thị D1 sinh 1989, cư trú ấp B, xã L, thị xã D từ khoản vay của bà P2. Đối với số tiền này khi bà D1 nhận không biết nguồn tiền do bị cáo T phạm tội mà có, xét thấy không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Lương Thị D1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội" mà có và do bà D1 làm dịch vụ chuyển tiền của Công ty V2 để hưởng huê hồng nên số tiền mặt 50.000.000 đồng bị cáo đưa cho bà D1 thì bà D1 đã chuyển khoản vào tài khoản của bị cáo và nhận tiền mặt 50.000.000 đồng từ bị cáo để nộp lại cho Công ty V2, bà D1 không sử dụng số tiền này nên không buộc nộp lại.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt như kết quả điều tra xác định.

[7] Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 23/02/2022 cho ông Lê Văn Đ và bà Lâm Thị Hoài T, thửa đất số 360, tờ bản đồ số 8, diện tích 1293,0m^2, loại đất LUK, địa chỉ ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh được Cơ quan Cảnh sát điều tra kê biên, tiếp tục kê biên giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phần giá trị tài sản của bị cáo trong tài sản chung theo quy định pháp luật.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ vật chứng là: Các giấy tờ, biên nhận vay tiền được thu giữ của các bị hại giao nộp cùng các tài liệu, giấy tờ khác có liên quan được đóng bút lục lưu vào hồ sơ vụ án. Đối với 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị cáo đã thế chấp để vay tiền đã thu giữ; qua điều tra là làm rõ tài sản trên là của bà Nguyễn Thị D2 và ông Lê Văn S không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu.

[9] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[10] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp với quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo có phần phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[12] Về án phí: Bị cáo Lâm Thị Hoài T phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lâm Thị Hoài T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lâm Thị Hoài T 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 19/7/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lâm Thị Hoài T bồi thường số tiền 662.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại gồm:

1/ Bà Dương Thị P2, sinh năm 1961. Nơi cư trú: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền 372.000.000 đồng.

2/ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh với số tiền 290.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Giao Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 23/02/2022 cho ông Lê Văn Đ và bà Lâm Thị Hoài T thửa đất số 360, tờ bản đồ số 8, diện tích 1293,0m^2, loại đất LUK, tọa lạc tại ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án giá trị tài sản của bị cáo trong tài sản chung của vợ chồng.

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Lâm Thị Hoài T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 30.480.000đ (Ba mươi triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mến